

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27/12/2022

V/v “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL, TỈNH PHÚ THỌ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Mơ

Ông Nguyễn Đức Thiệu

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Kiều Anh - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đinh Tiến Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị Lệ T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Khu 9, xã T, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Hà Hải T1, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu 9, xã T, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

(Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T1 vắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn chị Hà Thị Lệ T trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Hải T1 tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện YL, tỉnh Phú Thọ ngày 31/10/2012. Thời gian đầu kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó đến tháng 11/2021 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh T1 hay dùng lời nói xúc phạm bản thân chị và gia đình, cuộc sống hôn nhân ngày càng căng thẳng, chị đã cố gắng chịu đựng nhưng mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay vợ chồng sống ly thân, vợ chồng không quan tâm đến nhau nữa, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Hà Thiên B, sinh ngày 22/4/2013, Hà Thị Quỳnh M, sinh năm 17/02/2017.

Sau ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là M, để anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là B.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. *Bị đơn anh Hà Hải T1 trình bày tại bản tự khai như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian và điều kiện kết hôn, quá trình chung sống như chị T khai là đúng. Thời gian đầu kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, vì tính chất công việc nên vợ chồng sống xa nhau, tình cảm vợ chồng xa cách. Mâu thuẫn vợ chồng không như chị T trình bày, mong muốn để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau chung sống nuôi dạy con chung. Anh đề nghị Tòa án hòa giải tranh chấp ly hôn giữa anh và chị T vào 8 giờ ngày 11/11/2022.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung như chị T đã khai đúng.

Nếu phải ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là B, để chị T nuôi con chung tên là M.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. *Tại bản tự khai của cháu Hà Thiên B có quan điểm nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng muốn được ở với bố.*

4. *Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân với đại diện khu dân cư và UBND xã Xuân T, huyện YL cung cấp:* Chị T và anh T1 trong quá trình chung sống đã xảy ra lục đục mâu thuẫn, do 2 vợ chồng làm ăn xa nhau. Đề nghị Tòa án căn cứ tình trạng hôn nhân thực tế để giải quyết theo quy định pháp luật.

5. *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình thu thập, đánh giá chứng cứ từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã lập thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo đầy đủ văn bản tố tụng, đúng quy định pháp luật cho các bên đương sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị hướng giải quyết như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a,b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 1, 2 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Lệ T được ly hôn anh Hà Hải T1.

Về con chung: Giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Thị Quỳnh M, sinh năm 17/02/2017. Anh T1 được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Thiên B, sinh ngày 22/4/2013. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, do các bên đương sự không yêu cầu.

Về án phí ly hôn: Chị T phải chịu toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Hà Thị Lệ T có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị xin ly hôn với anh Hà Hải T1 cư trú tại khu 9, xã Xuân T, huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

[2] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Hà Thị Lệ T vắng mặt, tuy nhiên ngày 27/10/2022 chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Hà Hải T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, điểm a,b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các bên đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Lệ T và anh Hà Hải T1 tự nguyện kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Viên, huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Như vậy chị T và anh T1 kết hôn đảm B các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Xét về tình cảm vợ chồng thì anh T1 và chị T đều thừa nhận 2 bên có thời gian dài sống ly thân khoảng 9 năm, nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Như vậy chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, đời sống vợ chồng không thể duy trì và kéo dài được nữa, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc anh T1 xin hòa giải tình cảm để vợ chồng đoàn tụ xong anh đã không thực hiện, không đến Tòa án, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị T xin ly hôn anh T1 là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật. Việc anh T1 không đồng ý ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn là không phù hợp, như vậy chỉ nhằm kéo dài hôn nhân không tồn tại, gây khó khăn cho các bên ổn định cuộc sống mới.

[5] Về con chung: Xét yêu cầu của chị T và nguyện vọng của cháu B phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Khi ly hôn cần giao cháu Hà Thiên B, sinh ngày 22/4/2013 cho anh T1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Giao cháu Hà Thị Quỳnh M, sinh ngày 17/02/2017 cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Chị T và anh T1 không đề nghị giải quyết.

[7] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hà Thị Lệ T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, điểm a,b khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Lệ T được ly hôn anh Hà Hải T1.

2. Về con chung: Giao cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Hà Thị Quỳnh M, sinh ngày 17/02/2017. Giao cho anh T1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Hà Thiên B, sinh ngày 22/4/2013. Việc nuôi con của chị T và anh T1 kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T và anh T1 được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Chị T và anh T1 không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hà Thị Lệ T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị Hà Thị Lệ T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0008542 ngày 07/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Chị T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện YL;
- Chi cục THADS huyện YL;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Tuấn Anh

